

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 11/6/2024.
V/v Tranh chấp HNGĐ - Ly hôn,
nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Hồng Thẩm;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Quốc Tiến;
2. Bà Nguyễn Thị Phụng;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 11 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 178/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 219/2024/QĐST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1983;

Địa chỉ: ấp 4, xã Bình Hàng Tr, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp

- Bị đơn: Anh **Võ Thanh S**, sinh năm 1981;

Địa chỉ: ấp 4, xã Bình Hàng Tr, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 07/11/2023; Bản tự khai; Biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 28/3/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh S kết hôn với nhau năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Hàng Tr, huyện Cao L ngày 09/4/2010.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng thời gian sau thì giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong phát triển kinh tế gia đình và cách nuôi dạy con; Ngoài ra, khi vợ chồng cãi nhau anh S còn thường xuyên dùng vũ lực với chị T khiến cho tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn. Tháng 9/2023, chị T đã nộp đơn ly hôn đến Tòa án nhưng anh S hứa sửa đổi nên chị đã rút đơn khởi kiện cho vợ chồng cơ hội hàn gắn tình cảm nhưng anh S không thay đổi tính tình. Vợ chồng đã ly thân với nhau từ tháng 11/2023 đến nay. Trong thời gian ly thân này, vợ chồng không ai có ý định hàn gắn tình cảm. Hơn nữa, từ khi chị T nộp đơn ly hôn, mặc dù anh S vẫn ở địa phương, biết việc Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ ly hôn của vợ chồng nhưng anh S không có mặt để hòa giải hay tham gia phiên tòa cho thấy anh S không có ý muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Nhận thấy đời sống vợ chồng không hạnh phúc nên chị Nguyễn Ngọc T yêu cầu ly hôn với anh Võ Thanh S.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Võ Thái H, sinh ngày 25/02/2011. Hiện nay con đang sống chị T, anh S. Khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi dưỡng con Võ Thái H, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai, cũng không cho ai nợ.

Bị đơn là anh Võ Thanh S đã được được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia phiên hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Chị Nguyễn Ngọc T có đơn yêu cầu ly hôn với anh Võ Thanh S. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là *“Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con”*.

Anh Võ Thanh S là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ: ấp 4, xã Bình Hàng Tr, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Nguyễn Ngọc T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Võ Thanh S đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị T và anh S kết hôn với nhau năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Hàng Tr, huyện Cao Lãnh ngày 09/4/2010, do đó hôn nhân giữa chị T và anh S là hợp pháp.

Chị T cho rằng cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cự cãi; Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong phát triển kinh tế gia đình và cách nuôi dạy con; Ngoài ra, khi vợ chồng cãi nhau anh S còn thường xuyên dùng vũ lực với chị T khiến cho tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn. Vợ chồng đã ly thân với nhau từ tháng 11/2023 đến nay. Trong thời gian ly thân này, vợ chồng không ai có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh S, anh S hiện đang sinh sống tại địa phương, biết rõ chị T yêu cầu ly hôn nhưng không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và không gửi ý kiến về nội dung khởi kiện của chị T.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị T và anh S đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Ngọc T.

- **Về con chung:** Chị T và anh S có 01 con chung tên Võ Thái H, sinh ngày 25/02/2011. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay, con chung Võ Thái H đang sống với chị T phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Tại bản tự khai ngày 28/3/2024 con chung Võ Thái H có nguyện vọng được sống với chị T; Mặt khác, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh S, anh S hiện đang sinh sống tại địa phương, biết rõ chị T yêu cầu ly hôn và nuôi con nhưng không gửi ý kiến về nội dung khởi kiện của chị T cũng như không có yêu cầu nuôi dưỡng con chung. Do đó, giao con chung tên Võ Thái H, sinh ngày 25/02/2011 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Do chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung Võ Thái H và không có yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Võ Thanh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- **Về tài sản chung:** Chị T trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- **Về nợ chung:** Chị T trình bày vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- **Về án phí:** Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án chị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai số 0008255 ngày 26 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Ngọc T.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc T được ly hôn với anh Võ Thanh S.

2. Về con chung: Con chung tên Võ Thái H, sinh ngày 25/02/2011 sẽ do chị Nguyễn Ngọc T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Võ Thanh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Võ Thanh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai số 0008255 ngày 26 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có

lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Hồng Thắm